TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** Bản án số: 49/2021/HSST Ngày: 21/9/2021	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Miên, ông Nguyễn Trọng Vần.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Hoàng Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2021/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

LƯƠNG THỊ T (tên gọi khác là H) - sinh năm 1980. Nơi sinh: thành phố HD, tỉnh HD. ĐKHKTT và trú tại: Số nhà ....L HP, phường NT, thành phố HD, tỉnh HD; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông LVV và bà PTC; Chồng là NGi. Bị cáo có hai con sinh năm 1999 và 2004. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam T ngày 20/7/2021, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

* Bị hại: Chị NTH, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tôn TĐ, xã MT, huyện LT, tỉnh BN.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Người làm chứng:

1. Chị ĐTT P, sinh năm 1980.

Trú tại: Số nhà ĐVT, phường BH, thành phố H D, tỉnh HD.

2. Chị NTQ, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số , NVL phường TB, TP HD, tỉnh HD.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo LTT(tên gọi khác là H) và chị NTH cùng làm công nhân tại kho bìa của Công ty TNHH bao bì BTrS, địa chỉ thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD. Ngày 31/12/2020, chị H nhờ T cài đặt giúp ứng dụng Mobile Banking của Ngân hàng Agribank liên kết với tài khoản số 2300205892104 của chị H. T cài đặt giúp chị H và đặt mật khẩu là 999999. Khi được chị H nói chuyện về việc trong tài khoản của chị H có hơn 20.000.000đồng, T nảy sinh ý định rút trộm tiền trong tài khoản của chị H vì T biết chị H không đặt mật khẩu điện thoại và T nhớ mật khẩu của dịch vụ Mobile Banking của Ngân hàng Agribank mà T đã cài đặt giúp chị H. Trước đây, T mua hàng hóa của chị ĐThTh Ph nên hai người có quen biết nhau. Ngày 24/01/2021, T gọi qua ứng dụng zalo cho chị ĐThThPh xin số tài khoản của chị Ph nhờ nhận giúp một khoản tiền do bạn của T chuyển cho. T nói với chị Ph nếu nhận được tiền thì T chuyển trả chị Ph số tiền 500.000đồng mà T còn nợ và gửi chị Ph 500.000đồng để sau này mua hàng hóa của chị Ph. Số tiền còn lại chuyển qua tài khoản mà T nhắn. Chị Ph đồng ý.

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 26/01/2021, tại kho bìa của Công ty TNHH bao bì BTrS, T thấy chị H để điện thoại trên bàn và đi ra ngoài làm việc. Thấy trong kho vắng người, T cầm điện thoại của chị H đi vào nhà vệ sinh, mở điện thoại và đăng nhập vào ứng dụng Mobile Banking của Ngân hàng Agribank trên điện thoại của chị H, thực hiện giao dịch chuyển số tiền 17.300.000đồng T tài khoản số 2300205892104 của chị H đến số tài khoản 108000220657 ngân hàng Vietinbank của chị Ph. Sau đó, T mang điện thoại của chị H để vào vị trí cũ.

Chị Ph nhận được tiền và thông báo cho T. T bảo chị Ph chuyển số tiền 16.300.000đồng đến số tài khoản 0341007056185 ngân hàng Vietcombank của T. Chị Ph đã làm theo yêu cầu của T như đã thống nhất.

Do thẻ của ngân hàng Vietcombank của T bị hỏng nên T đã chuyển làm nhiều lần số tiền 16.300.000đồng T tài khoản của T sang tài khoản số 0341007079578 của ngân hàng Vietcombank mang tên Ng ThQ (là con gái của T). Chị Q không dùng thẻ ngân hàng

này mà đưa cho T sử dụng T trước đó. T dùng thẻ mang tên chị Q ra cây ATM rút toàn bộ số tiền trên sử dụng cá nhân.

Ngày 12/4/2021, chị H đi mua hàng hóa và kiểm tra tài khoản thì phát hiện bị mất tiền nên đã trình báo cơ quan Công an.

Vật chứng: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, vỏ màu xanh.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho chị H số tiền 17.300.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 27/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Lương Thị T (H) về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận: Bị cáo không thắc mắc gì đối với nội dung bản cáo trạng. Do biết chị H không cài đặt mật khẩu màn hình điện thoại, biết mật khẩu của ứng dụng Mobile Banking của Ngân hàng Agribank mà T đã cài đặt giúp chị H trước đây và biết trong tài khoản của chị H có tiền, bị cáo đã lén lút sử dụng điện thoại của chị H chuyển số tiền 17.300.000đồng đến tài khoản của chị Ph và chiếm đoạt của chị H số tiền trên tiêu sài cá nhân. Bị cáo và gia đình đã bồi thường đầy đủ cho chị H số tiền trên. Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Thị T (Huyền) phạm tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lương Thị T (H) T 12-15 tháng tù, thời hạn tù tính T ngày tạm giam. Về trách nhiệm dân sự: không phải giải quyết. Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, vỏ màu xanh; Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/QH14. Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, bị cáo không bị oan. Bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do biết chị Nguyễn Thị H không cài đặt mật khẩu điện thoại, biết được mật khẩu của ứng dụng Mobile Banking của Ngân hàng Agribank trên điện thoại của chị H và trong tài khoản của chị H có tiền. Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 26/01/2021, tại kho bìa Công ty TNHH bao bì BTrS, thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh HD. Bị cáo LTT (H) đã lén lút đăng nhập ứng dụng Mobile Banking của Ngân hàng Agribank trên điện thoại của chị NgThH và thực hiện giao dịch chuyển số tiền 17.300.000đồng T tài khoản số 2300205892104 của chị H đến số tài khoản 108000220657 ngân hàng Vietinbank của chị Ph nhằm chiếm đoạt của chị H số tiền trên. Sau đó, bị cáo nhờ chị Ph chuyển lại số tiền 16.300.000đồng đến số tài khoản 0341007056158 ngân hàng Vietcombank của T. Số tiền 1.000.000đồng còn lại, T trả nợ cho chị Ph 500.000đồng, còn lại 500.000đồng để sau này T mua hàng hóa của chị Ph. T tiếp tục chuyển số tiền 16.300.000đồng T tài khoản của T sang tài khoản số 0341007079578 của ngân hàng Vietcombank mang tên NgThQ rồi dùng thẻ mang tên chị Q ra cây ATM rút toàn bộ số tiền trên sử dụng cá nhân.

Bị cáo T (H) là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý vì mục đích vụ lợi cá nhân. Số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 17.300.000đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện CG, tỉnh HD truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải về hành vi của mình; Đã tự nguyện bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm

đoạt của họ; Lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Hiện tại bị cáo hiện không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, không có yêu cầu đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên HĐXX không phải giải quyết.

[8] Về vật chứng: Bị cáo sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Samsung Galaxy A12 vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Chị ĐThThPh là người cho bị cáo chuyển tiền vào tài khoản của chị Ph. Chị Ph không biết số tiền đó do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý. Số tiền bị cáo trả nợ và đưa cho chị Ph tổng là 1.000.000đồng, giữa bị cáo và chị Ph tự giải quyết với nhau nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Chị NgThQ cho bị cáo sử dụng thẻ ngân hàng của mình nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ xử lý. Chị Q đã nhận lại chiếc thẻ ngân hàng của mình và không có yêu cầu đề nghị gì.

[10] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lương Thị T (H) phạm tội Trộm cắp tài sản.

3. Xử phạt: Bị cáo Lương Thị T (H) 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính T ngày tạm giam 20/7/2021.

4. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12.

(Đặc điểm của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan công an huyện Cẩm Giàng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Bị cáo LThT (H) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể T ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể T ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;.
- CQCSĐT công an huyện Cẩm Giàng;
- CQTHAHS-công an huyện Cẩm Giàng;
- Trại tạm giam-Công an tỉnh Hải Dương;
- CCTHADS huyện Cẩm Giàng;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP